

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2020.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Tuất.
2. Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 872/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 67/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 47/22 hẻm A, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Hùng L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 572, thôn T, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết N trình bày: Bà và ông Đỗ Hùng L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, đến năm 2013 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do lối sống tích cách không phù hợp. Nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà xin ly hôn với ông Đỗ Hùng L.

Về con chung: Bà N và ông L có 02 người con chung tên Đỗ K, sinh ngày 26/7/2012 và Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 18/02/2016. Khi ly hôn, bà N đề nghị giao 02 con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Đỗ Hùng L vắng mặt: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phan Thị Tuyết N. Cho bà N được ly hôn với ông Đỗ Hùng L.

Về con chung: Bà N và ông L có 02 người con chung tên Đỗ K, sinh ngày 26/7/2012 và Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 18/02/2016. Bà N đề nghị giao 02 con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà N không cấp dưỡng nuôi con. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn và căn cứ bản tự khai của bà N thì thấy từ sau khi bà N ông L sống ly thân với nhau thì cháu K và cháu Quỳnh A vẫn sinh sống cùng ông L tại xã B và do ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đồng thời cháu K cũng có nguyện vọng tiếp tục được ở với ông L do vậy đề nghị HĐXX giao cháu K và cháu Quỳnh A cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà N khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà N phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà N cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tuyết N và ông Đỗ Hùng L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, đến năm 2013 đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà N xác định vợ chồng có mâu thuẫn do lối sống tích cách không phù hợp. Bà N và ông L đã không sống chung với nhau 02 (hai) năm nay. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng bà N, ông L cũng không quan tâm, chăm sóc nhau. Ông L đã nhiều lần được Tòa án triệu tập tới để hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà N được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông L có 02 người con chung tên Đỗ K, sinh ngày 26/7/2012 và Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 18/02/2016. Bà N đề nghị giao các con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời bà N sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn và căn cứ bản tự khai của bà N thì thấy từ sau khi bà N ông L sống ly thân với nhau thì cháu K và cháu Quỳnh A vẫn sinh sống cùng ông L tại xã Bắc Sơn và do ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đồng thời cháu K cũng có nguyện vọng tiếp tục được ở với ông L. Do vậy giao cháu K và cháu Quỳnh A cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông L không có ý kiến trình bày nên tạm thời bà N không phải đóng góp cho ông L tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phan Thị Tuyết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông L không có ý kiến trình bày nên Tòa án tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị Tuyết N được ly hôn với ông Đỗ Hùng L.

2. Về con chung:

+ Giao 02 con chung là cháu Đỗ K, sinh ngày 26/7/2012 và cháu Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 18/02/2016 cho ông Đỗ Hùng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Tạm thời bà Phan Thị Tuyết N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Bà Phan Thị Tuyết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0007392 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Tuyết N, ông Đỗ Hùng L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 252 ngày 15/11/2013);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm